

# CÁC ẢN PHẨM VỀ SỨC KHỎE VÀ SINH SẢN TÌNH DỤC DO QUỸ DÂN SỐ LIÊN HIỆP QUỐC XUẤT BẢN

## NĂM 2007



Improving the Quality of Reproductive Health Care Services in Viet Nam  
The role of National Incentives and Motivations for Reproductive Health Care Services



Achieving the Millennium Development Goals  
A Reproductive Health Strategy for Viet Nam



Knowledge and Behavior of Ethnic Minorities  
on Reproductive Health



Training Interventions in Health Care Practices  
in Reproductive Practices

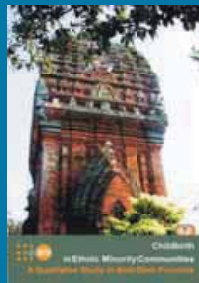


Research on Reproductive Health  
in Viet Nam  
A Review for the Period 2005-2006

## NĂM 2008



Reproductive Health for Migrant Workers  
A Research Study in Hai Phong Province, Vietnam



Childbirth in Ethnic Minority Communities  
A Qualitative Study in Tay Ninh Province

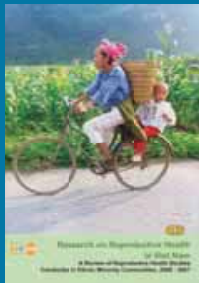


Reproductive Health of Ethnic People  
in Ha Giang Province  
Health Care and Community Development

## NĂM 2010



UNFPA Reproductive Health Programme 2006-2010  
Some Key Results at 20th Anniversary



Research on Reproductive Health in Viet Nam  
A Review of Reproductive Health Practice  
Indicators in Ethnic Minority Communities, 2007-2009



Policies on Reproductive Health Care for Ethnic Minority People in Viet Nam

## NĂM 2012



Compendium of Research on Reproductive Health in Viet Nam  
for the Period 2005-2010



Unmet need for reproductive health and HIV prevention services: data from MICS 2010



The Acceptability of Femal Condoms among Migrant workers in Industrial Zones in Viet Nam



Khu căn hộ Golden West Lake,  
151 Thụy Khuê, Hà Nội  
Tel: 84-4-38236632  
Fax: 84-4-38232822  
Website: <http://vietnam.unfpa.org>  
Email: [vietnam.office@unfpa.org](mailto:vietnam.office@unfpa.org)



**Khả Năng Chấp Nhận Sử Dụng  
Bao Cao Su Nữ trong Nữ Lao Động Di Cư  
tại Các Khu Công Nghiệp của Việt Nam**





# **Khả Năng Chấp Nhận Sử Dụng Bao Cao Su Nữ trong Nữ Lao Động Di Cư tại Các Khu Công Nghiệp của Việt Nam**

HA NOI, 2012

# Mục lục

<b>Các từ viết tắt</b>	<b>v</b>
<b>Giới thiệu</b>	<b>6</b>
<b>Tóm tắt</b>	<b>7</b>
<b>1. Bối cảnh</b>	<b>9</b>
<b>2. Phương pháp</b>	<b>9</b>
2.1. Mô tả nghiên cứu can thiệp	9
2.2. Đánh giá	10
2.3. Phân tích số liệu	10
<b>3. Những phát hiện chính</b>	<b>11</b>
3.1. Kiến thức	11
3.2. Quan niệm về BCSN	11
3.3. Thái độ đối với việc sử dụng BCSN	11
3.3.1. Thái độ của người vợ	11
3.3.2. Phản ứng của người chồng khi vợ sử dụng BCSN	12
3.4. Bản khoăn lo lắng khi sử dụng BCSN	13
3.5. Các yếu tố tích cực	14
3.5.1. Phục vụ mục đích kế hoạch hóa gia đình	14
3.5.2. Phòng tránh mang thai ngoài ý muốn và các bệnh truyền nhiễm qua đường tình dục	14
3.5.3. Lợi ích của việc sử dụng BCSN	15
3.6. Các yếu tố tiêu cực	15
3.6.1. Đau buốt	15
3.6.2. Bất tiện và mất thời gian	16
<b>4. Hạn chế của nghiên cứu</b>	<b>16</b>
<b>5. Kết luận</b>	<b>16</b>
<b>Tài liệu tham khảo</b>	<b>18</b>

## Các từ viết tắt

BCSN	Bao cao su nữ
CTTTBCS	Chương trình tổng thể bao cao su
CSEED	Trung tâm Phát triển Kinh tế, Xã hội và Môi trường Cộng đồng
HIV	Vi rút suy giảm miễn dịch ở người
STI	Nhiễm khuẩn truyền qua đường tình dục
UNFPA	Quỹ Dân số Liên hợp quốc

# Giới thiệu

Ở Việt Nam, bao cao su được phân phối qua nhiều chương trình y tế khác nhau như chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình, chương trình phòng chống HIV/AIDS và các nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục (STI), và qua các kênh dựa vào cộng đồng và thông qua các kênh tiếp thị xã hội. Đặc biệt, khu vực tư nhân đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc thúc đẩy và phân phối bao cao su. Tuy nhiên, kể từ khi Việt Nam trở thành một quốc gia có mức thu nhập trung bình vào năm 2010, sự hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế cho các chương trình y tế đã giảm đi đáng kể. Điều này đặt ra một nhu cầu cấp thiết cần phải phát triển 1 chương trình tổng thể bao cao su với mục đích củng cố các hệ thống phân phối bao cao su hiện có nhằm thúc đẩy và phân phối bao cao su cho nhóm dân số yếu thế và nhóm dân số dễ bị tổn thương, đặc biệt là thanh niên và người lao động di cư.

Để có thể thực hiện mục tiêu này, năm 2011, UNFPA đã hỗ trợ Bộ Y tế xây dựng Chương trình Tổng thể về Bao cao su tại Việt Nam (CTTTBCS) giai đoạn 2011-2020 nhằm mục đích cải thiện việc điều phối các nỗ lực của quốc gia và quốc tế trong việc phân bổ và sử dụng một cách có hiệu quả hơn các nguồn lực cho chương trình bao cao su. Đây là lần đầu tiên các thông tin/chi tiết về việc cung cấp và sử dụng Bao cao su nữ (BCSN) được chính thức đưa vào tài liệu chiến lược này.

Để có thể xây dựng được các can thiệp hiệu quả trong CTTTBCS, chúng ta cần hiểu quan niệm của cộng đồng và khả năng chấp nhận việc sử dụng bao cao su nữ trong các nhóm dân số. Mặc dù đã có nhiều bằng chứng về sử dụng bao cao su nam, bằng chứng về sử dụng bao cao su nữ ở Việt Nam rất ít. Để giải quyết sự mất cân bằng này, UNFPA đã hỗ trợ một tổ chức phi chính phủ trong nước – Trung tâm Phát triển Kinh tế, Xã hội và Môi trường Cộng đồng (CSEED) tiến hành một nghiên cứu can thiệp về khả năng chấp nhận sử dụng BCSN trong nhóm lao động nữ di cư. Nghiên cứu này được tiến hành tại 6 khu công nghiệp ở ba miền (Bắc, Trung và Nam) của Việt Nam trong khoảng thời gian từ tháng 1 năm 2011 tới tháng 7 năm 2011.

Nghiên cứu này cung cấp những thông tin quan trọng về quan niệm của cộng đồng, khả năng chấp nhận và việc sử dụng BCSN. Tôi tin rằng những khuyến nghị trong báo cáo này sẽ đặc biệt hữu ích cho các nhà hoạch định chính sách, người làm công tác quản lý chương trình, cán bộ y tế, các nhà nghiên cứu và nhà tài trợ trong việc thiết kế và triển khai thực hiện các chính sách và chương trình về BCSN tại Việt Nam trong tương lai.

Thay mặt UNFPA, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn tới Tổng cục Dân số và Kế hoạch hóa Gia đình, Bộ Y tế đã hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để nghiên cứu này có thể được thực hiện. Chúng tôi cũng xin chân thành cảm ơn chị Thân Thị Chung và nhóm nghiên cứu của chị tại CSEED đã hoàn thành nghiên cứu này. Tôi cũng xin cảm ơn Tiến sỹ Dương Văn Đạt, Tiến sỹ Hà Hữu Toàn và Tiến sỹ Phạm Nguyễn Bằng của UNFPA Việt Nam đã điều phối, hỗ trợ kỹ thuật cho nghiên cứu và hiệu đính báo cáo. Tôi cũng xin cảm ơn các cộng tác viên tại địa phương và các nữ lao động di cư đã tham gia vào nghiên cứu này vì nếu không có sự tham gia của họ, nghiên cứu này sẽ không thể thực hiện được.

Mandeep K. O'Brien

Quyền trưởng đại diện UNFPA tại Việt Nam

# Tóm tắt

Báo cáo này trình bày những kết quả chính của của một nghiên cứu định tính về quan niệm và việc sử dụng BCSN trong nhóm nữ lao động di cư ở Việt Nam. Các thông tin số liệu trong nghiên cứu được thu thập từ 6 khu công nghiệp thuộc ba tỉnh thành bao gồm thành phố Đà Nẵng và hai tỉnh Tiền Giang và Phú Thọ trong khoảng thời gian từ 21 tháng 6 đến 10 tháng 7 năm 2011. Các phương pháp nghiên cứu định tính bao gồm phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm được sử dụng để thu thập thông tin, hiểu về quan niệm, thái độ và những quan tâm trong việc sử dụng BCSN của nhóm nữ lao động di cư và bạn tình của họ.

Dưới đây là một số kết quả chính của nghiên cứu:

## Kiến thức về BCSN

Hầu hết các đối tượng tham gia chưa từng được nghe nói về BCSN trước khi tham gia vào nghiên cứu này

## Quan niệm về BCSN

Trái với quan niệm không đúng khi cho rằng BCSN chỉ dành cho những trường hợp quan hệ tình dục ngoài hôn nhân, hầu hết những người được phỏng vấn nghiên cứu hiểu rằng BCSN là một biện pháp giúp họ tránh mang thai ngoài ý muốn và các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục. Một số phụ nữ còn cho rằng BCSN là một sự lựa chọn rất tốt cho gái mại dâm khi khách hàng từ chối sử dụng bao cao su nam.

## Hình thức của BCSN

Bao cao su nữ không thân thiện cho người sử dụng. Một số người tham gia nghiên cứu cho rằng hình thức của BCSN hơi to và gập khó khăn khi đút vào âm đạo.

## Thái độ của phụ nữ về BCSN

Ngượng ngùng và không thoải mái là những dấu hiệu chung mà các đối tượng tham gia cho biết khi họ sử dụng BCSN. Tuy nhiên, một số người cho biết sau vài lần dùng thử thì thấy thoải mái và chấp nhận được.

## Phản ứng của nam giới

Hầu hết phụ nữ tham gia nghiên cứu cho biết chồng của họ ủng hộ họ sử dụng BCSN. Tuy nhiên một số ít các ông chồng phản đối việc sử dụng BCSN vì họ cho rằng không cần sử dụng bao cao su trong sinh hoạt vợ chồng.

## Các yếu tố ảnh hưởng tới việc sử dụng BCSN

Một số người cho biết rằng họ cảm thấy đau và bất tiện trong lần đầu sử dụng BCSN. Tuy nhiên một số phụ nữ lớn tuổi trong nghiên cứu cũng đã khẳng định rằng chất bôi trơn của BCSN đã giúp họ quan hệ dễ dàng hơn.

## Kết luận

BCSN còn tương đối mới mẻ tại Việt Nam. Một số người được phỏng vấn cho biết do thiếu những hướng dẫn cụ thể nên họ gặp phải một số trở ngại không đáng có trong lần đầu đưa



bao cao su vào âm đạo. Những người được phỏng vấn đề nghị các chương trình can thiệp nên tập trung vào việc nâng cao nhận thức và sự tự tin của những người sử dụng BCSN.

Kết quả của nghiên cứu cũng cho thấy những người tham gia nghiên cứu thể hiện sự quan tâm tới bao cao su nữ, đặc biệt là khi họ được cung cấp đầy đủ thông tin. Những phản hồi tích cực từ những phụ nữ tham gia nghiên cứu cho thấy nhu cầu thông tin về BCSN cho các nhóm dân số nữ di cư rất lớn. Việc cung cấp thông tin về BCSN có thể thực hiện qua các chiến dịch truyền thông đại chúng, đặc biệt tập trung vào các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi phù hợp với các đặc thù văn hóa từng đối tượng và từng vùng. Các hoạt động truyền thông nhằm cung cấp thông tin và giáo dục các nhóm đối tượng tiềm năng sử dụng BCSN cần được xem là một phần không thể tách rời của các chương trình và chính sách kế hoạch hóa gia đình quốc gia.

Trong Chương trình tổng thể bao cao su tại Việt Nam giai đoạn 2011-2020 đã được Bộ Y tế phê duyệt, BCSN là một biện pháp phòng ngừa mới và là một phương án lựa chọn tránh thai hiệu quả cho phụ nữ, đặc biệt là đối với những người có nguy cơ mang thai ngoài ý muốn và lây nhiễm các bệnh lây truyền qua đường tình dục kể cả HIV, và cho những người không thể sử dụng bao cao su nam vì bạn tình hoặc người chồng từ chối sử dụng các phương pháp tránh thai khác.

# 1. Bối cảnh

Quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa nhanh chóng ở Việt Nam trong những năm gần đây đã đem lại nhiều cơ hội mới về việc làm ở các khu vực đô thị, thu hút số lượng lớn dòng người lao động di cư, đặc biệt là dòng người di cư nông thôn ra thành thị. Số liệu từ cuộc Tổng Điều tra về Dân số và Nhà ở năm 2009 cho thấy người di cư nội địa chủ yếu là thanh niên từ 15 đến 24 tuổi, trong đó đa số là nữ giới ở độ tuổi sinh sản và sung mãn về tình dục.<sup>1</sup> Kết quả từ một số báo cáo được thực hiện trước đây cho thấy nhiều thanh niên di cư rơi vào hoàn cảnh dễ bị bóc lột tình dục và kinh tế, khiến họ có nguy cơ nhiễm các bệnh lây qua đường tình dục (STI) và HIV.<sup>2</sup> Vì vậy, cần trang bị cho thanh niên, đặc biệt là nữ thanh niên di cư kiến thức đúng về sức khỏe sinh sản và tình dục bao gồm cả các biện pháp tránh thai, để giúp họ tự tránh nguy cơ nhiễm STI/HIV và việc mang thai ngoài ý muốn.

Rất nhiều các tài liệu đã cho thấy nếu được sử dụng thường xuyên và đúng cách, bao cao su mang lại hiệu quả cao trong việc phòng ngừa có thai ngoài ý muốn và giảm tỷ lệ mắc các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục và HIV.<sup>4,5</sup> BCSN là phương pháp duy nhất do chính phụ nữ chủ động sử dụng để tránh mang thai ngoài ý muốn và phòng nhiễm các bệnh lây qua đường tình dục và HIV.<sup>6</sup> Mặc dù BCSN có lợi ích bảo vệ kép, nhưng tỷ lệ sử dụng BCSN vẫn còn rất thấp. Lý do chủ yếu là do BCSN chưa được phổ biến rộng rãi và không được sử dụng trong nhiều trường hợp.<sup>7</sup> Tuy nhiên, nhiều bằng chứng cũng cho thấy nếu được quảng bá và đưa vào chương trình cùng với bao cao su nam, BCSN sẽ góp phần làm tăng tổng số quan hệ tình dục được bảo vệ.<sup>8</sup>

Mặc dù BCSN được giới thiệu vào Việt Nam từ năm 2000, nhưng thông tin về cách sử dụng sản phẩm này cho phụ nữ chưa được đầy đủ và chuẩn xác. Cho đến nay đã có hai nghiên cứu về BCSN được thực hiện, nhưng không nghiên cứu nào trong số này đánh giá về khả năng chấp nhận BCSN trong nữ lao động di cư tại các khu công nghiệp.<sup>9,10</sup> Chính vì vậy, mục đích của nghiên cứu này là đánh giá khả năng chấp nhận BCSN trong nữ lao động di cư tại các khu công nghiệp. Nghiên cứu cũng đánh giá quan niệm về BCSN và xác định những yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng BCSN đối với nhóm phụ nữ này. Kết quả từ nghiên cứu này cũng sẽ đưa ra bằng chứng và thông tin cần thiết cho các chương trình về BCSN trong khuôn khổ chương trình tổng thể về bao cao su tại Việt Nam.

## 2. Phương pháp

### 2.1. Mô tả nghiên cứu can thiệp

Nghiên cứu can thiệp về khả năng chấp nhận sử dụng BCSN ở lao động di cư nữ được thực hiện trong khoảng thời gian từ tháng 1 năm 2011 tới tháng 7 năm 2011. Địa bàn của nghiên cứu là hai tỉnh Phú Thọ và Tiền Giang và thành phố Đà Nẵng, đại diện cho 3 miền Bắc Trung Nam của Việt Nam. Hai khu công nghiệp tại mỗi tỉnh/thành phố nói trên được lựa chọn làm địa bàn nghiên cứu. Các địa bàn này được lựa chọn là do có độ tập trung nữ lao động di cư cao.

Sau khi đã chọn địa bàn nghiên cứu, những phụ nữ đáp ứng đủ điều kiện nghiên cứu được mời tham gia. Đó là nữ lao động di cư, tuổi từ 24 đến 49, đang và sẽ tiếp tục làm việc trong các khu công nghiệp được lựa chọn cho đến khi kết thúc thời gian nghiên cứu. Nghiên cứu chọn được 52 nữ lao động di cư tham gia, trong đó có 20 người ở Phú Thọ, 12 người ở Đà Nẵng, và 21 người ở Tiền Giang. Mặc dù nghiên cứu mời gọi sự tham gia của tất cả các nhóm đối tượng lao động nữ di cư, nhưng chỉ có những phụ nữ đã có gia đình đồng ý tham gia vì phụ nữ di cư chưa có gia đình không muốn người khác biết rằng mình có quan hệ tình dục trước hôn nhân. Sau khi đồng ý tham gia, tổng số 52 phụ nữ này được mời tham dự một khóa tập huấn trong một ngày về lợi ích cũng như cách sử dụng BCSN. Đồng thời họ cũng được hướng dẫn cách xử trí những vấn đề có thể xảy ra ví dụ như cách đút bao cao su vào âm đạo hoặc cách xử trí khi dương vật không được đưa vào đúng vị trí.

Sau khi tham dự tập huấn, những phụ nữ tham gia trong nghiên cứu được cấp BCSN miễn phí. Tổng số 4.694 BCSN đã được phân phát cho 52 chị em để họ có thể dùng đủ trong 6 tháng tiến hành nghiên cứu.

## 2.2. Đánh giá

Nghiên cứu định tính này là phần đánh giá cuối cùng của nghiên cứu can thiệp và được thực hiện từ ngày 21 tháng 6 đến ngày 10 tháng 7 năm 2011. Nghiên cứu tiến hành thu thập thông tin thông qua sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm. Mười cuộc thảo luận nhóm được tổ chức dành cho phụ nữ sử dụng và không sử dụng BCSN. 52 cuộc phỏng vấn sâu được thực hiện với 29 phụ nữ sử dụng BCSN và 23 phụ nữ không sử dụng BCSN. Các cuộc phỏng vấn được tiến hành dưới dạng câu hỏi mở và được ghi âm, sau đó được chuyển sang dạng văn bản kết hợp với những ghi chép thực địa. Nội dung phỏng vấn bao gồm các câu hỏi về quan niệm, thái độ và trải nghiệm khi sử dụng BCSN (để đút, đau, khó chịu, dùng chưa đúng cách v.v...), mức độ hài lòng, thái độ và phản ứng của người chồng, và triển vọng sử dụng BCSN trong tương lai.

*Người sử dụng BCSN* là người nhận được và tiếp tục sử dụng BCSN tại thời điểm tiến hành đánh giá tổng kết.

*Người không sử dụng BCSN* là người nhận được BCSN, nhưng có trải nghiệm không tốt sau vài lần sử dụng và không tiếp tục sử dụng nữa.

## 2.3. Phân tích số liệu

Các phát hiện được phân loại cho phù hợp với câu hỏi và mục tiêu nghiên cứu. Việc phân tích số liệu được thực hiện bằng phần mềm Nvivo, một chương trình phần mềm máy tính chuyên sử dụng cho việc phân tích số liệu định tính.

# 3. Những phát hiện chính

## 3.1. Kiến thức

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng trong số 52 phụ nữ tham gia, chỉ có 3 người đã từng nghe nói về BCSN, số còn lại chưa bao giờ nghe hay nhìn thấy sản phẩm này.

## 3.2 Quan niệm về BCSN

Một số người tham gia nghiên cứu cho rằng BCSN chỉ dành cho gái mại dâm hoặc sử dụng khi có quan hệ tình dục ngoài hôn nhân. Tuy nhiên hầu hết người tham gia đều hiểu về lợi ích của bao cao su trong việc ngừa thai. Đồng thời họ cũng hiểu rằng BCSN là một biện pháp giúp họ phòng ngừa lây nhiễm các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

*“BCSN không phải dành riêng cho gái mại dâm sử dụng, mà cho tất cả chị em phụ nữ. Nó giúp giữ gìn gia đình hạnh phúc” (B2, Việt Trì)*

*“Tôi nghĩ rằng bất kỳ chị em phụ nữ nào cũng cần sử dụng BCSN” (A4, Tiền Giang)*

*“Tôi nghĩ, một vài cô gái có quan hệ tình dục với đàn ông khi làm việc ở quán (ví dụ: quán Bar, Karaoke). Nếu vì lý do nào đó, người đàn ông không muốn sử dụng bao cao su, cô gái có thể sử dụng BCSN để giữ cho họ được an toàn” (A8, Tiền Giang).*

Một số chị em phụ nữ cũng cho rằng BCSN giúp họ chủ động hơn và giữ cho họ được an toàn khi họ nghi ngờ chồng không chung thủy.

*“Tôi nghĩ, tôi cũng cần phải sử dụng BCSN vì nhiều khi không biết chồng mình có chung thủy với mình không” (B5, Việt Trì).*

*“Dù mình là người đang hoang đi chẳng nữa thì mình vẫn phải dùng để tránh những việc không hay xảy đến với mình” (A6, Đà Nẵng)*

## 3.3. Thái độ đối với việc sử dụng BCSN

### 3.3.1. Thái độ của người vợ

Trước khi tham gia vào nghiên cứu, phần lớn các chị em chưa từng nghe hoặc nhìn thấy BCSN. Bỡ ngỡ, sợ và lo lắng là những biểu hiện chung ở những chị em phụ nữ khi lần đầu tiên sử dụng BCSN. Hầu hết những người tham gia nghiên cứu đều ngạc nhiên trước kích cỡ to lớn khi lần đầu tiên họ nhìn thấy và cầm BCSN trong tay. Đa số những người tham gia trả lời rằng BCSN không thân thiện với phụ nữ Việt Nam, thiếu hấp dẫn và thô.

*“Trời đất ơi cái gì kỳ thế, trời ơi sao thô dữ thế!” (A7, Tiền Giang)*

Một vài phụ nữ cho rằng BCSN tạo cảm giác bất tiện và khó chịu khi lần thử đầu tiên và điều này khiến họ ngần ngại sử dụng BCSN trong những lần tiếp theo.

*“Lần đầu tiên hơi bị căng thẳng với lại sợ, bao này thấy nó quá bụi, thấy nó sao sao ấy”*  
(A3, Tiền Giang)

*“Tôi có cảm giác không thoải mái trước khi đút nó vào. Nhưng khi sử dụng rồi thì cũng ổn. Nói chung, nó vẫn để lại một cảm giác không thoải mái gì đó khi sử dụng”* (C2, Đà Nẵng)

*“Cho vào, nó trật ra, vợ chồng hi hà hi hục, như thế này thì em thấy nó bất tiện quá”*  
(A5, Đà Nẵng)

*“Vòng trong của BCSN quá to và tạo ra tiếng sột soạt. Phải mất một lúc mới làm được”*  
(A6, Đà Nẵng).

Tuy nhiên, với những người tiếp tục sử dụng BCSN, họ có cảm giác thoải mái hơn sau vài lần thử.

*“Lúc đầu mình sợ nên mình thấy đau. Lần sau em chỉ thấy hơi cộm chứ không còn đau”* (A3, Tiền Giang).

*“Khi em làm cái đầu tiên thì em thấy nó cũng bỡ ngỡ, xong rồi đến cái thứ hai, thứ ba thì em dùng nó cũng quen dần và bây giờ em cũng cảm thấy thoải mái”* (A6, Việt Trì)

### 3.3.2. Phản ứng của người chồng khi vợ sử dụng BCSN

Nghiên cứu trước đây cho thấy rằng cần phải lôi kéo sự tham gia của cả nam và nữ khi giới thiệu BCSN vì nam giới vẫn giữ vai trò chính trong việc quyết định quan hệ tình dục, kể cả quyết định liên quan đến biện pháp tránh thai và phòng tránh bệnh.<sup>10</sup>

Theo trả lời của những người vợ, trong số 52 người chồng của 52 phụ nữ tham gia nghiên cứu, chỉ có một người không đồng ý cho vợ mình sử dụng BCSN khi được vợ hỏi liệu cô ấy có thể sử dụng BCSN trong quan hệ hay không. Lý do không đồng ý là chồng người chồng nói rằng anh ta không phải là đối tượng mà vợ phải cần trọng trong quan hệ tình dục.

*“Tôi mang BCSN về và hỏi chồng xem tôi có thể thử được không. Anh ấy bảo tôi rằng người khác sử dụng bao cao su vì họ có quan hệ không chung thủy hoặc có quan hệ tình dục với gái mại dâm, anh ấy không phải là người như thế vì vậy anh ấy không muốn tôi sử dụng BCSN”* (A11, Việt Trì).

Giống như hầu hết các phụ nữ trong nghiên cứu, không một ai trong số những người chồng đã từng được nghe nói hoặc nhìn thấy BCSN. Khi lần đầu tiên nghe nói về BCSN, hầu hết những người chồng đều tỏ ra ngạc nhiên. Sau khi đã có nhiều hiểu biết hơn về BCSN, nhiều người rất ủng hộ và hăng hái cùng vợ dùng thử BCSN.

*“Chồng tôi nói anh ấy không tin là có BCSN. Nhưng khi tôi mang nó về và chia ra cho anh ấy xem, thì anh ấy nói cứ thử xem thế nào. Nếu không vấn đề gì, thì mình dùng luôn” (A3, Tiền Giang).*

Một vài người chồng còn thể hiện họ sẵn sàng ủng hộ vợ về sử dụng BCSN không chỉ để ngăn ngừa có thai ngoài ý muốn và các bệnh lây lan qua đường tình dục mà còn chia sẻ trách nhiệm trong việc sử dụng các biện pháp tránh thai.

*“Chồng em nói, nếu em cảm thấy thoải mái thì em sử dụng. Còn nếu bản thân em không thoải mái, thì em đừng có dùng” (A7, Tiền Giang).*

Một số phụ nữ cho biết các ông chồng đều nhận xét rằng sử dụng BCSN lần đầu phức tạp hơn với các phương pháp tránh thai khác. Tuy nhiên nhiều người trong số họ cho biết nếu tiếp tục sử dụng, BCSN sẽ dễ dàng sử dụng hơn ở những lần tiếp sau.

*“Đầu tiên, chồng tôi nói rằng nó phức tạp và khó sử dụng vì nó rất to và trông buồn cười. Nhưng sau thì thấy bình thường” (A2, Việt Trì).*

*“Lúc đầu, anh ấy không thích. Sau đó, anh ấy thấy thoải mái hơn vì anh ấy không phải sử dụng bao cao su nam” (A6, Việt Trì)*

Một số người vợ cho biết các ông chồng của họ không ưa sử dụng BCSN lắm vì mất nhiều thời gian chờ đợi vợ chuẩn bị, và điều này sẽ làm giảm sự hưng phấn khi quan hệ.

*“Anh ấy bảo BCS nam choàng một cái là xong trong khi BCS nữ thì cứ cả tiếng mà lại phụ thuộc vào vợ, mất cả chủ động đi” (B6, Việt Trì).*

### **3.4. Bản khoăn lo lắng khi sử dụng BCSN**

BCSN là sản phẩm còn tương đối mới ở Việt Nam. Một vài phụ nữ được phỏng vấn cho biết do chưa được hướng dẫn đầy đủ nên hay xảy ra những trục trặc không đáng có trong lần đầu tiên sử dụng BCSN. Đồng thời họ cũng đề nghị các chương trình cần tập trung nâng cao nhận thức và giúp người sử dụng tự tin hơn khi sử dụng sản phẩm.

*“BCSN là sản phẩm mới với tôi. Vì thế, cần tổ chức các hoạt động truyền thông để nâng cao nhận thức của mọi người về nó. Đặc biệt, mọi người cần được hướng dẫn về cách thức sử dụng. Đến khi đó, tôi nghĩ, nó mới trở nên thông dụng như bao cao su nam. Người sử dụng cũng cần được bảo đảm rằng việc sử dụng BCSN không gây ra bất kỳ hậu quả tiêu cực nào cho sức khỏe của họ” (A5, Tiền Giang).*

“Cái khó nhất liên quan đến BCSN là nó không thuận tiện. Ý tôi muốn nói là cách dùng BCSN vào âm đạo quá phức tạp. Đối với tôi, đây là khó khăn lớn nhất” (B3, Đà Nẵng).

“Nói thực, tôi sợ là nó sẽ bị rách khi chúng tôi quan hệ và tôi sẽ mang thai” (A9, Tiền Giang).

Một vài đối tượng tham gia vẫn chưa hiểu thấu đáo về tác dụng của chất bôi trơn và sợ rằng chất bôi trơn có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của họ.

“Nếu em dùng nhiều trong thời gian lâu, em sợ chất bôi trơn của BCS nó có ảnh hưởng đến sức khỏe của em” (C17, Phú Thọ).

### 3.5. Các yếu tố tích cực

Trong số 52 đối tượng tham gia, 56% vẫn tiếp tục sử dụng BCSN và 44% đã dừng sử dụng. Những người tham gia tham gia thoải mái và chân thành chia sẻ suy nghĩ của họ về những yếu tố liên quan đến việc sử dụng BCSN.

#### 3.5.1. Phục vụ mục đích kế hoạch hóa gia đình

Một số chị em phụ nữ bắt đầu sử dụng BCSN phục vụ mục đích kế hoạch hóa gia đình. Việc này đặc biệt có ích đối với những ai đã từng sử dụng các biện pháp tránh thai khác nhưng thấy không phù hợp.

“Đầu tiên em sử dụng vòng, sau sử dụng thuốc. Chưa bao giờ dùng bao nam. Giờ em xài BCSN” (A1, Tiền Giang)

“Uống thuốc tránh thai nhiều nám hết cả mặt. Nhiều khi quên không uống thuốc. Cái BCSN tiện lợi hơn” (A9, Tiền Giang).

#### 3.5.2 Phòng tránh mang thai ngoài ý muốn và các bệnh truyền nhiễm qua đường tình dục

Một số phụ nữ tham gia cũng cho rằng BCSN cho phép phụ nữ chủ động hơn trong việc phòng tránh mang thai ngoài ý muốn. Đặc biệt, khi người chồng không sử dụng bao cao su, hoặc muốn có thêm con trong khi vợ lại không muốn.

“Mình sợ là anh sẽ cho mình đẻ đứa thứ ba để níu kéo mình lại. Cho nên mình dùng BCSN an toàn lắm” (B4, Đà Nẵng).

“Anh ấy nói anh ấy sẽ sử dụng bao cao su nam, nhưng thực tế lại không. Vì thế, tôi quyết định sử dụng BCSN. Nó an toàn hơn cho tôi” (B2, Đà Nẵng).

Phòng tránh bệnh truyền nhiễm qua đường tình dục cũng là lý do mà một số người trả lời phỏng vấn quyết định sử dụng BCSN, nhất là những người có chồng uống rượu nhiều, làm việc xa nhà và có tính không chung thủy.

*“Anh ấy có thể có quan hệ với những người khác và nhiễm bệnh, kể cả HIV, và tôi không chắc những bệnh đó có thể chữa được không nếu bị nhiễm” (C13, Việt Trì).*

*“Chồng tôi có thể chưa thỏa mãn với tôi và có thể có quan hệ ngoại tình. Vì thế, tôi cần sử dụng BCSN để giữ cho mình được an toàn trong trường hợp anh ấy nhiễm bệnh thì mình không bị lây” (A11, Đà Nẵng).*

*“Khi làm việc xa nhà, các ông chồng có thể nhiễm bệnh lậu và giang mai vì quan hệ tình dục với các cô gái khác. Vì thế, họ sẽ truyền bệnh tật cho sang cho chúng ta” (B10, Việt Trì).*

### 3.5.3 Lợi ích của việc sử dụng BCSN

Một số người được hỏi đã khẳng định rằng họ tiếp tục sử dụng BCSN không phải vì BCSN được phát miễn phí, mà nhận thấy lợi ích thiết thực của chính BCSN.

*“Xã có phát cho em thuốc tránh thai và bao cao su nam miễn phí. Nhưng em thích sử dụng BCSN hơn vì nó phù hợp với em” (A5, Tiền Giang).*

*“Nó có chất bôi trơn. Hiện tôi nhiều tuổi rồi nên khô. Vì thế, tôi cần chất bôi trơn. Nó thực sự hữu ích” (A15, Tiền Giang).*

## 3.6. Các yếu tố tiêu cực

### 3.6.1 Đau buốt

Một số người được hỏi cho biết rằng họ cảm thấy đau trong lần đầu sử dụng. Cảm giác đau khi đút vào và rút BCSN ra khỏi âm đạo. Đặc biệt, cảm giác này thường xảy ra với những người chưa có con.

*“Lần đầu sử dụng, em bị đau và vì thế nên em thôi không dùng nữa” (A6, Tiền Giang).*

*“Em chỉ dùng BCSN một lần. Cảm giác khó chịu và rất khó đút vào. Nó đau khi đút vào và rút BCSN ra khỏi âm đạo” (A1, Tiền Giang).*

*“Lần đầu em dùng, nó đau. Lần thứ hai em thử, vẫn đau. Vì thế, em không dùng nữa. Đau buốt đến mấy ngày. Thậm chí cảm thấy buốt khi đi tiểu” (B10, Đà Nẵng)*



### 3.6.2 Bất tiện và mất thời gian

Một số phụ nữ trong nghiên cứu cho biết rất nhiều thời gian để có thể đưa BCSN vào âm đạo và vì thế họ không có ý định tiếp tục sử dụng nó.

*“Chồng em nói cái này (BCSN) dễ chịu hơn bao cao su nam. Nhưng lần nào em cũng cảm thấy khó chịu khi đút vào âm đạo” (B8, Đà Nẵng).*

*“Chồng em cảm thấy thoải mái. Nhưng em lại thích chồng sử dụng bao cao su nam hơn. Em phải mất thời gian rất lâu và rất bất tiện khi đút vào và rút BCSN ra” (A15, Tiền Giang).*

## 4. Hạn chế của nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện trên một số lao động nữ di cư tại các khu công nghiệp vì thế những đánh giá của nghiên cứu cũng có những hạn chế nhất định. Kết quả nghiên cứu không thể mang tính đại diện cho các nhóm dân số khác vì những người tham gia trong nghiên cứu chỉ được lựa chọn từ hai khu công nghiệp tại mỗi địa bàn nghiên cứu. Vì vậy kết quả nghiên cứu không thể đại diện cho tất cả các nhóm dân cư ở các tỉnh và thành phố còn lại của Việt Nam. Một điểm hạn chế nữa của nghiên cứu là chỉ có phụ nữ đã có gia đình quyết định tham gia vào nghiên cứu này. Cuối cùng kết quả của nghiên cứu có thể bị ảnh hưởng bởi “sự thiên vị mang tính xã hội” vì người trả lời phỏng vấn có thể đưa ra những câu trả lời mà họ nghĩ là người đi phỏng vấn thích nghe.

## 5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu định tính này cung cấp những thông tin bổ ích về quan niệm, thái độ và sự chấp nhận sử dụng BCSN trong nữ lao động di cư ở một số khu công nghiệp.

Có thể thấy do thiếu thông tin và sản phẩm BCSN chưa sẵn có và chưa được phân phối rộng rãi ở thị trường Việt Nam, nên hầu hết những người tham gia nghiên cứu và chồng của họ chưa từng nghe nói về hoặc nhìn thấy BCSN cho đến khi họ tham gia nghiên cứu này.

Kết quả của nghiên cứu cũng cho thấy những người tham gia nghiên cứu thể hiện sự quan tâm tới bao cao su nữ, đặc biệt là khi họ được cung cấp đầy đủ thông tin. Những phản hồi tích cực từ những phụ nữ tham gia nghiên cứu cho thấy nhu cầu cần tăng cường việc cung cấp thông tin về BCSN cho các nhóm dân số nữ di cư khác nhau. Việc cung cấp thông tin về BCSN có thể thực hiện qua các chiến dịch truyền thông đại chúng, đặc biệt tập trung vào các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi phù hợp với các đặc thù văn hóa từng đối tượng. Các hoạt động truyền thông nhằm cung cấp thông tin và giáo dục các nhóm đối tượng tiềm năng sử dụng BCSN cần được xem là một phần không thể tách rời của các chương trình và chính sách kế hoạch hóa gia đình quốc gia.

Mặc dù nghiên cứu còn một số hạn chế nhất định, nhưng kết quả nghiên cứu đã cho thấy một cách nhìn nhận tương đối thống nhất về lợi ích của việc cung cấp đầy đủ thông tin và dịch vụ của BCSN cho người lao động nữ di cư tại các khu công nghiệp.

Trong Chương trình tổng thể bao cao su tại Việt Nam giai đoạn 2011-2020 đã được Bộ Y Tế phê duyệt, BCSN là một biện pháp phòng ngừa mới và là một phương án lựa chọn tránh thai hiệu quả cho phụ nữ, đặc biệt là đối với những người có nguy cơ mang thai ngoài ý muốn và lây nhiễm các bệnh lây truyền qua đường tình dục kể cả HIV, và cho những người không thể sử dụng bao cao su nam vì bạn tình hoặc người chồng từ chối sử dụng các phương pháp tránh thai khác.

## Tài liệu tham khảo

1. United Nation Viet Nam. Fact Sheet- *Young People and Migration*. 2010.
2. MOLISA and UNICEF Viet Nam. *The Situation of Families and Children Affected by HIV/AIDS in Viet Nam*. 2005.
3. UNFPA. *Comprehensive Condom Programming- A guide for resource mobilization and country programming*. New York. 2010.
4. CDC. *Condoms and Their Use in Preventing HIV Infection and Other STDs*. Atlanta, GA: CDC; 1999.
5. Holmes K, Levine R, Weaver M. *Effectiveness of condoms in preventing sexually transmitted infections*. Bulletin of the World Health Organization. 2004;82:454-461.
6. Shane B; Herdman C DK, Agarwal D, Ambaye Nigussie K, Blumenthal P, Deperthes B, Edouard L, Jackson H, Malunga G, Kraus S, Nyamukapa D, Schuller A, Spieler J. *The female condom: significant potential for STI and pregnancy prevention*. Outlook 2006;22(2).
7. Population Council, Liverpool VCT and Care & Treatment. *Female-initiated Prevention: Integrating Female Condoms into HIV Risk-reduction Activities in Kenya*. Nairobi, Population Council. 2009.
8. Center for Health and Gender Equity. *Female Condoms and U.S. Foreign Assistance: An Unfinished Imperative for Women's Health*. Washington, DC: Center for Health and Gender Equity. 2011.
9. UNAIDS, STI/HIV/AIDS Prevention Centre, WHO. *Needs and Acceptability of Female Condoms among Women in Thanh Xuan Commune and Dong Da District, Hanoi*, Hanoi; 2000.
10. Social Marketing Prevention and Supportive Services Project. *Qualitative Study on female condom use among sex workers in two provinces*. Hanoi: Population Services International (PSI). 2010.
11. Female Health Company. [cited; Available from: <http://www.femalehealth.com/aboutthefemalecondom/strategicintroduction.html>]

